

Bản án số: 30/2018/HS - ST
Ngày 31 /7/2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁT XÁT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Kim Phụng

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Trung Đông; Nghề nghiệp: Nguyên là giáo viên đã nghỉ hưu

Bà Phạm Thị Hoà; Nghề nghiệp: Phó chủ tịch UBND thị trấn huyện Bát Xát.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Minh Lý - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bát Xát.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát tham gia phiên toà: Ông Hoàng Đức Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 31/7/2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 29/ 2018/ TLST- HS ngày 02/ 7/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2018/ QĐXXST - HS ngày 16 tháng 7 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Phàn A T**; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 14/11/2001; tại xã B, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai; Giới tính: Nam;

Nơi ĐKKHKT: Thôn S, xã B, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Dao;

Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Phàn A H - Sinh năm: 1983 và con bà Phàn Thị T - Sinh năm 1982;

Bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án: Không;

Tiền sự: 01 tiền sự: Tại Quyết định số: 53a / QĐ- UBND ngày 21/4/2017 của Chủ tịch UBND xã B, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai về việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn vì đã có 03 lần trộm cắp tài sản đã được Công an xã B ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 02 lần, trong lĩnh vực ANTT nhưng chỉ áp dụng biện pháp cảnh cáo do đối tượng chưa đủ tuổi vị thành niên, nhưng đối tượng không có T bộ mà tiếp tục vi phạm đủ điều kiện áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn với thời hạn 06 tháng kể từ ngày 21/4/2017 đến 21/10/2017. Đến ngày 21/10/2017 Phàn A T đã chấp hành xong.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/5/2018. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

2. Họ và tên: **Phàn A D**; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 29/11/2000; tại xã B, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai; Giới tính: Nam;

Nơi ĐKKHKT: Thôn S, xã B, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Dao;

Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Phàn A C - Sinh năm: 1982 và con bà Tẩn Thị M (tên gọi khác: Phàn Thị M) - Sinh năm 1982;

Bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án; Tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 10/QĐ- XPHC ngày 15/3/2017 của Công an xã B, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với Phàn A D đã có hành vi trộm cắp tài sản với hình thức Cảnh cáo.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/5/2018. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. Có mặt

3. Họ và tên: **Tẩn A K**; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 06/7/2000; tại xã B, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai; Giới tính: Nam;

Nơi ĐKKHKT: Thôn S, xã B, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

Nghề nghiệp: Học sinh; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Dao;

Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Tẩn A D - Sinh năm: 1978 và con bà Phàn Thị P - Sinh năm 1978;

Bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/5/2018 đến ngày 24/5/2018 bị cáo được thay đổi biện pháp ngăn chặn lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang được tại ngoại tại thôn S, xã B, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

Người bị hại: Anh Phàn A H - Sinh năm: 1983

Nghề nghiệp: Tự do;

Trú tại: Thôn S, xã B, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

Người bào chữa cho các bị cáo Phàn A T và Tẩn A K: Bà Nguyễn Thị Hương Thủy - Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Phàn A D: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Phàn A T: Bà Phàn Thị Tâm; Sinh năm: 1982 – Là mẹ đẻ bị cáo.

Trú tại: Thôn S, xã B, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. Có mặt

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Phàn A D: Ông Phàn A Chiến; Sinh năm: 1982 – Là bố đẻ bị cáo.

Trú tại: Thôn S, xã B, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. Có mặt

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Tẩn A K: Ông Tẩn A D; Sinh năm: 1982 – Là bố đẻ bị cáo.

Trú tại: Thôn S, xã B, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 13/5/2018, Phàn A T cùng gia đình đi làm nương đến khoảng 8 giờ 30 phút cùng ngày do trời mưa không làm được nên Phàn A T đi về nhà trước. Đến khoảng 9 giờ về đến nhà Phàn A T thấy không có ai ở nhà nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của gia đình đem bán lấy tiền tiêu sài. Ngay lúc đó Phàn A T gọi điện thoại cho bạn là Phàn A D và Tẩn A K là người cùng thôn để rủ cùng thực hiện, D và K đồng ý. Khoảng 5 phút sau D đến nhà T nhưng do cửa nhà chính bị khóa vì thế T đã đi xuống bếp lấy 01 đoạn gậy bằng gỗ dài khoảng 01m, hình trụ tròn kích thước 04cm, đưa cho D để bẻ chiếc khóa cửa dạng chữ U, D dùng gậy luồn vào để bẻ khóa nhưng không được, thấy vậy T bảo với D dùng máy cắt kim loại để cắt phá khóa, D đồng ý. Phàn A T và Phàn A D cùng đi xuống bếp, T lấy 01 máy cắt sắt đưa cho D và kéo dây điện từ bếp lên để Phàn A D cắt khóa. Lúc này Tẩn A K đến và giúp T và D kéo dây điện từ bếp lên, T cắm điện vào máy cắt cho D. Sau đó Tẩn A K giữ khóa để Phàn A D dùng máy cắt, cắt khóa còn Phàn A T đi ra ngoài cảnh giới, cắt khóa xong Phàn A D cắt máy cắt sắt và thu dây điện về vị trí cũ ở trong bếp còn T đi đến cửa chính và tháo khóa vừa bị cắt ra, K kéo cửa xếp mở cửa sau đó Phàn A T dẫn Phàn A D, Tẩn A K đi vào trong phòng ngủ của bố mẹ T với mục đích để mở khóa két sắt của gia đình lấy tài sản. Phàn A T tìm thấy chìa khóa nhưng do không biết mật mã nên không mở két được, thấy vậy D bảo với T lấy dao cạy, để mở cửa két, T đồng ý và đi xuống bếp lấy 01 con dao phát có cán gỗ lên và đưa dao cho D rồi D cùng K cạy phá két sắt, còn T ra ngoài cửa cảnh giới. Một lát sau T đi vào Thấy D và K không cạy được cửa két sắt vì vậy T bàn với D và K dùng búa tạ để đập két sắt, D và K đồng ý. T xuống bếp lấy 01 búa tạ có cán bằng gỗ mang lên đưa cho D rồi đi ra ngoài tiếp tục cảnh giới. D dùng búa tạ đập mạnh vào cửa két sắt để bung cửa két ra nhưng không được, thấy vậy K bảo với D để két nằm xuống cho dễ đập, K cùng D xoay két sắt đặt nằm xuống nền gạch, mặt két hướng lên trên, D tiếp tục nâng búa tạ lên đập vào cửa két theo hướng từ trên xuống dưới nhiều lần làm cửa két cong vênh, gãy chốt khóa, K dùng tay mở cửa két sắt ra thấy bên trong két có 01 ngăn nhỏ đang khóa, K lấy chum chìa khóa mở ổ khóa của ngăn nhỏ này, thấy bên trong có 01 túi vải màu nâu đen, K lấy túi vải ra, lúc này T đi vào, K đưa cho T rồi cùng T đi ra ngoài phòng khách. D tiếp tục tìm bên trong két sắt thấy còn 01 dây chuyền kim loại vàng và 01 tờ tiền mệnh giá 500.000đ (năm trăm nghìn đồng), D cầm tiền và dây chuyền vàng đi ra phòng khách giơ lên cho K và T xem rồi đặt xuống nền nhà ở phòng khách sau đó cất vào trong túi quần của mình. T mở túi vải màu nâu đen ra thấy bên trong có 01 túi vải nhỏ màu đen và nhiều vòng kim loại bạc các loại, T cầm túi nhỏ màu đen, đổ ra tay thấy bên trong có nhiều đồng kim loại bạc hình tròn, D nói “lấy ít thôi” đồng thời bốc một nắm đồng kim loại bạc hình tròn từ tay T bỏ vào túi vải màu nâu đen, sau đó K cầm túi vải đó, cùng D đi vào trong buồng ngủ để vào trong két và dựng lại

kết sắt tại vị trí cũ, rồi ra phòng khách. T cất túi nhỏ màu đen có số đồng kim loại bạc hình tròn vào túi quần bò bên trái sau đó vào buồng cầm búa tạ và con dao phát mang xuống bếp để ở vị trí ban đầu, còn D và K cũng ra khỏi nhà và kéo cửa xếp đóng lại và cài chiếc khóa chữ U như vị trí ban đầu. Sau đó T, K và D cùng đi bộ xuống khu vực trường tiểu học của thôn Sang Bang, xã B để đón xe ô tô taxi ra thành phố Lào Cai. Trong lúc chờ xe, T lấy túi đen đựng số bạc trộm cắp được ra đếm được 18 đồng kim loại bạc hình tròn, D lấy ra 01 dây chuyền vàng và 01 tờ tiền mệnh giá 500.000đ (năm trăm nghìn đồng). Sau đó T, D và K vẫy xe ô tô taxi đi ra khu vực chợ Cốc Lếu, thuộc phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai, để bán số tài sản trộm cắp được. Khi đến khu vực chợ Cốc Lếu thì D dùng tờ tiền mệnh giá 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) trả tiền Taxi là 250.000đ, sau đó cả 03 xuống xe, T đưa cho D 18 đồng kim loại bạc bảo D đi bán, D đi trước, K đi theo vào cửa hàng vàng bạc Hoàn Huế, địa chỉ tổ 1 phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai bán 18 đồng kim loại bạc cho một người phụ nữ, khoảng 30 tuổi, được 13.500.000đ (mười ba triệu năm trăm nghìn đồng) rồi D và K quay lại chỗ T đứng bảo với T bán được 750.000đ (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) một đồng, 18 đồng bán được 13.500.000đ (mười ba triệu năm trăm nghìn đồng). Sau đó D đưa cho K 01 dây chuyền kim loại vàng để đi bán, D và T đi trước, đi được khoảng 100 m thì dừng lại đứng đợi, K cầm sợi dây chuyền kim loại vàng đi đến một cửa hàng vàng bạc gần chợ Cốc Lếu, bán cho một người phụ nữ khoảng 35 tuổi với giá 13.800.000đ (mười ba triệu tám trăm nghìn đồng). Sau khi nhận tiền, K quay lại chỗ T và D đang đứng đợi, rồi T, K và D cùng thuê xe ô tô taxi đến khu vực ngã 6, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai để K vào một cửa hàng bán điện thoại mua 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 5S màu vàng với giá 2.700.000đ (hai triệu bảy trăm nghìn đồng). Sau đó K đi vào uống nước ở một quán gần đó, còn D và T tiếp tục đi xe taxi vào khu vực chợ thị trấn Bát Xát để tìm mua điện thoại. Tại đây T mua 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 5S màu vàng với giá 2.400.000đ (hai triệu bốn trăm nghìn đồng), D mua 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 5S màu bạc với giá 2.400.000đ (hai triệu bốn trăm nghìn đồng), D là người trả tiền mua 02 chiếc điện thoại. Sau khi mua được điện thoại, T, D đi xe taxi quay lại thành phố Lào Cai đón K đi đến xã Xuân Giao, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai chơi. Đến chiều ngày 14/5/2018 T, K và D đón xe taxi đi về thành phố Lào Cai, cùng ngày cơ quan điều tra công an huyện Bát Xát triệu tập T, K và D về trụ sở Ủy ban nhân dân xã B, huyện Bát Xát để làm việc. Tại đây Phàn A T, Tẩn A K và Phàn A D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, T giao nộp 01 điện thoại di động IPHONE 5S màu vàng; K giao nộp 01 điện thoại IPHONE 5S màu vàng và 3.640.000đ (ba triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng); D giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 5S màu bạc, 01 sim điện thoại số thuê bao 01238265112 và số tiền 9.230.000đ (chín triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng).

Tại biên bản xác định trị giá tài sản bị xâm hại số: 09/ HĐ- ĐG ngày 21/5/2018 của hội đồng định giá tài sản huyện Bát Xát đã xác định:

Trị giá số tài sản bị xâm hại của gia đình ông Phàn A Hợp là: 30.600.000đ (ba mươi triệu sáu trăm nghìn đồng) gồm:

- 01 dây chuyền bằng kim loại, màu vàng có trọng lượng 04 chỉ, loại vàng 9999 trị giá là: 14.640.000 đồng.

- 18 đồng kim loại hình tròn, màu bạc, đường kính khoảng 04 cm là đồng bạc cổ trị giá là: 14.400.000 đồng.
- 01 khóa kim loại dạng chữ U trị giá là: 60.000 đồng.
- 01 kết sắt màu vàng xanh mặt trước kết có dòng chữ: “KẾT BẠC VIỆT MỸ” trị giá là: 1.500.000 đồng.

Cáo trạng số: 29/CT-VKS ngày 02/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát đã truy tố các bị cáo Phàn A T, Phàn A D, Tần A K về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 - Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Phàn A T, Phàn A D, Tần A K về tội: “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 101 - Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phàn A T từ 09 (Chín) tháng đến 12 (Mười hai) tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là “Phạt tiền” đối với bị cáo.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 101 - Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phàn A D từ 06 (Sáu) tháng đến 09 (Chín) tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là “Phạt tiền” đối với bị cáo.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65; Điều 91; Điều 101; Điều 17; Điều 58 - Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Tần A K từ 06 (Sáu) tháng đến 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 (Mười hai) đến 18 (Mười tám) tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung là “Phạt tiền” đối với bị cáo.

Tuyên án phí và quyền kháng cáo đối với các bị cáo, bị hại, người bào chữa theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho các bị cáo Phàn A T; Tần A K đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 101 - Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phàn A T 06 (Sáu) tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là “Phạt tiền” đối với bị cáo.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65; Điều 91; Điều 101; Điều 17; Điều 58 - Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Tần A K 04 (Bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Ấn định thời gian thử thách cho bị cáo. Không áp dụng hình phạt bổ sung là “Phạt tiền” đối với bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Phàn A D đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 101 - Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phàn A D 04 (Bốn) tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là “Phạt tiền” đối với bị cáo.

Các bị cáo Phàn A T, Phàn A D, Tần A K nói lời sau cùng: Các bị cáo biết hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bát Xát, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo Phàn A T, Phàn A D, Tần A K khai nhận: Ngày 13/5/2018 các bị cáo Phàn A T, Phàn A D, Tần A K đã cùng nhau thực hiện trộm cắp tài sản của gia đình ông Phàn A Hợp trú tại Thôn S, xã B, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai 01 dây chuyền bằng kim loại, màu vàng có trọng lượng 04 chỉ, loại vàng 9999 trị giá là: 14.640.000đ (mười bốn triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng); 18 đồng kim loại hình tròn, màu bạc, đường kính khoảng 04 cm là đồng bạc cổ trị giá là: 14.400.000đ (mười bốn triệu bốn trăm nghìn đồng). Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là: 29.040.000đ (hai mươi chín triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng) và làm thiệt hại hỏng: 01 khóa kim loại dạng chữ U trị giá là 60.000đ; 01 kết sắt màu vàng xanh mặt trước kết có dòng chữ: “KET BẠC VIỆT MỸ” trị giá là: 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng). Tổng số tài sản bị thiệt hại: 1.560.000đ (một triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng). Mục đích để đem bán lấy tiền tiêu sài cho bản thân.

Tại phiên tòa ngày hôm nay các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ. Như vậy đã đủ cơ sở kết luận các bị cáo Phàn A T, Phàn A D, Tần A K phạm tội: “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 - Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát truy tố các bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Các bị cáo Phàn A T, Phàn A D, Tần A K đều là những người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức, hiểu biết xã hội và pháp luật, mặc dù biết rõ việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do lười lao động lại muốn có tiền để tiêu xài nên các bị cáo đã bất chấp coi thường pháp luật thực hiện hành vi phạm tội.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản được pháp luật bảo vệ. Vì vậy cần phải xử phạt các bị cáo một mức án thật tương xứng với tính chất mức độ hành vi của từng bị cáo đã gây ra mới có tác dụng cải tạo giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Để có một mức án chính xác đối với từng bị cáo cần phân tích, làm rõ vai trò của từng bị cáo như sau:

Bị cáo Phàn A T là người khởi xướng, rủ rê bị cáo Tần A K và bị cáo Phàn A D cùng thực hiện tội phạm. Vì vậy, bị cáo Phàn A T phải là người giữ vai trò chính trong vụ án.

Các bị cáo Phàn A D, Tần A K sau khi được bị cáo Phàn A T rủ đi trộm cắp tài sản, các bị cáo Phàn A D và Tần A K đã nhất trí tham gia với vai trò ngang nhau và đều cùng là người thực hành tích cực. Vì vậy các bị cáo Phàn A D và Tần A K phải chịu trách nhiệm ngang nhau và sau bị cáo Phàn A T trong vụ án.

Các bị cáo phạm tội trong vụ án này mang tính chất đồng phạm giản đơn. Vì vậy cần áp dụng Điều 17; Điều 58 - Bộ luật hình sự để xử phạt các bị cáo là chính xác.

[3] Về các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo.

Bị cáo Phàn A T có 01 tiền sự: Tại Quyết định số: 53a/ QĐ- UBND ngày 21/4/2017 của Chủ tịch UBND xã B, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai về việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn vì đã có 03 lần trộm cắp tài sản đã được Công an xã B ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 02 lần, trong lĩnh vực ANTT nhưng chỉ áp dụng biện pháp cảnh cáo do đối tượng chưa đủ tuổi vị thành niên, nhưng đối tượng không có T bộ mà tiếp tục vi phạm đủ điều kiện áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn với thời hạn 06 tháng kể từ ngày 21/4/2017 đến 21/10/2017. Đến ngày 21/10/2017 Phàn A T đã chấp hành xong.

Bị cáo Phàn A D về nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 10/QĐ- XPHC ngày 15/3/2017 của Công an xã B, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với Phàn A D đã có hành vi trộm cắp tài sản với hình thức Cảnh cáo.

Bị cáo Tần A K không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Hội đồng xét xử xét thấy tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, tài sản đã được thu hồi trả lại cho người bị hại. Gia đình bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Vì vậy cần áp dụng điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 - Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo là phù hợp. Riêng các bị cáo Phàn A D, Tần A K sau khi phạm tội các bị cáo đã tích cực tác động đến gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra cho gia đình bị hại. Vì vậy cần áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 - Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo Phàn A D, Tần A K là phù hợp.

Các bị cáo Phàn A T, Phàn A D, Tần A K khi thực hiện hành vi phạm tội vẫn còn đang ở độ tuổi dưới 18 tuổi. Vì vậy cần áp dụng Điều 91; Điều 101- Bộ luật hình sự quy định về xử phạt người dưới 18 tuổi phạm tội để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp.

Xét thấy đối với bị cáo Tần A K không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù giam mà chỉ áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và cũng đúng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 65 - Bộ luật hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra đã xác định các bị cáo không có nghề nghiệp và không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là “Phạt tiền” đối với các bị cáo.

Trong vụ án này, còn có Trần Thị H, sinh năm 1985, trú tại tổ 1, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai là chủ cửa hàng vàng bạc Hoàn Huế. Quá trình điều tra Trần Thị H thừa nhận đã mua của bị cáo Phàn A D 18 đồng kim loại bạc với số tiền 13.500.000đ (mười ba triệu năm trăm nghìn đồng), khi mua Trần Thị H không biết nguồn gốc 18 đồng kim loại bạc trên là do bị cáo Phàn A D cùng đồng phạm trộm cắp được mà có, nên cùng ngày Trần Thị H đã bán lại 18 đồng kim loại bạc đó cho một người khách, mà Trần Thị H không biết tên, tuổi, địa chỉ của người khách đó ở đâu. Vì vậy, quá trình điều tra, cơ quan điều tra không thu giữ được 18 đồng kim loại bạc trên và không đề cập đến vấn đề xử lý đối với Trần Thị H.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ: 01 máy cắt kim loại, có vỏ màu xanh, máy cũ đã qua sử dụng, phía đầu có gắn 01 tem phản quang màu trắng có dòng chữ “Hoa Nam”, trên máy có gắn 01 lưỡi cắt kim loại đường kính 08cm, máy có dây dẫn điện dài 02 m; 01 đoạn dây điện màu vàng, chiều dài 14,5m. Dây cũ đã qua sử dụng, một đầu dây được gắn với ổ cắm điện, đầu còn lại gắn với phích cắm; 01 khóa bằng kim loại, dạng khóa chữ U, màu Đen - trắng, thân khóa dài 15,5 cm, dày 02 cm, trên thân khóa 1 mặt có dòng chữ Trung Quốc, mặt còn lại có dòng chữ “KAIRONGYUANZI”, hai đầu thân khóa được nối với một thanh kim loại hình chữ U, một đầu cố định, đầu còn lại đã bị cắt đứt; 01 búa bằng kim loại, có cán bằng gỗ hình trụ tròn, một đầu cán gỗ gắn với một cục kim loại hình hộp chữ nhật dài 11,5 cm, rộng 05 cm, cao 5,5 cm, búa dài 56,5cm. Trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã làm rõ đây là những đồ vật, tài sản của gia đình bị hại Phàn A Hợp và số tiền: 9.230.000đ (chín triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng) thu giữ của bị cáo Phàn A D; số tiền 3.640.000đ (ba triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng) thu giữ của bị cáo Tần A K. Tổng số tiền thu giữ của các bị cáo Tần A K và Phàn A D là: 12.870.000đ (mười hai triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng). Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã làm rõ số tiền trên là do các bị cáo bán tài sản trộm cắp mà có được. Ngày 08/6/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng số: 21/ QĐXLVC trao trả lại tài sản cho người bị hại. Ngày 08/6/2018 người bị hại là anh Phàn A Hợp nhận lại tài sản trên. Sau khi nhận lại tài sản anh Phàn A Hợp yêu cầu các bị cáo Tần A K và Phàn A D phải có trách nhiệm bồi thường giá trị tài sản đã bị mất và giá trị tài sản đã bị hư hỏng là 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng). Ngày 09/6/2018, gia đình các bị cáo Tần A K và Phàn A D đã bồi thường số tiền 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng) cụ thể gia đình bị cáo Phàn A D: 7.000.000đ (bảy triệu đồng), gia đình bị cáo Tần A K: 7.000.000đ (bảy triệu đồng). Sau khi nhận lại tài sản anh Phàn A Hợp không yêu cầu các bị cáo Tần A K và Phàn A D phải có trách nhiệm bồi thường dân sự, nên không xem xét.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 5s màu vàng thu giữ của bị cáo Tần A K và 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 5s màu bạc, 01 sim điện thoại di động của VINAPHONE, số thuê bao 01238265112 thu giữ của bị cáo Phàn A D và 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 5s màu vàng thu giữ của bị cáo Phàn A T. Quá trình điều tra đã chứng minh làm rõ 03 chiếc điện thoại này do các bị cáo lấy tiền trộm cắp được để mua, tuy nhiên gia đình các bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại, nay gia đình các bị cáo có nguyện vọng xin lại 03 chiếc điện thoại trên để sử dụng. Nên cơ quan điều tra đã trả lại cho gia đình

các bị cáo Phàn A D, Tần A K, còn 01 chiếc trả lại cho gia đình bị cáo Phàn A Hợp là bố đẻ của bị cáo Phàn A T để sử dụng.

Đối với 01 đoạn gậy gỗ tròn, dài 01m, đường kính 04cm các bị cáo T và D dùng để phá khóa cửa; 01 dao phát, cán bằng gỗ, dùng để cạy phá kết sắt và 03 chiếc điện thoại của các bị cáo T, K và D đã sử dụng để liên lạc trước khi trộm cắp tài sản. Theo lời khai của các bị cáo T, K, D sau khi lấy trộm được tài sản, bị cáo T đã cắt đoạn gậy gỗ và con dao phát vào chỗ khi lấy ban đầu, còn 03 chiếc điện thoại các bị cáo T, K và D đã vứt ở khu vực xã Xuân Giao, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai nhưng các bị cáo không nhớ cụ thể ở địa điểm nào. Vì vậy, quá trình điều tra không thu giữ được các đồ vật trên.

Đối với cửa hàng vàng bạc gần cổng chợ Cốc Lều mà bị cáo K khai đã bán 01 dây chuyền kim loại vàng được 13.800.000đ (mười ba triệu tám trăm nghìn đồng). Do bị cáo K cùng các bị cáo không nhớ cụ thể được cửa hàng vàng bạc đã mua chiếc dây chuyền trên, nên cơ quan điều tra không thu hồi được.

[5] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Phàn A T, Phàn A D, Tần A K phạm tội: “ Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 101- Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phàn A T 09(Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam bị cáo ngày 15/5/2018.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 101- Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phàn A D 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam bị cáo ngày 15/5/2018.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 101; khoản 1, khoản 2 Điều 65 - Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Tần A K 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Tần A K cho UBND xã B , huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai nơi bị cáo cư trú, giám sát giáo dục.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 – Luật thi hành án hình sự.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 - Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Phàn A T, Phàn A D, Tần A K mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, bị hại, người bào chữa. Các bị cáo, bị hại, người bào chữa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. / .

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Công an huyện;
- Sở tư pháp;
- Trại giam CAT;
- TGPL;
- T.H.A;
- Bị hại;
- Bị cáo;
- Lưu HS- AV.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Kim Phụng

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Trung Dong

Phạm Thị Hoà

Lê Kim Phụng

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Công an huyện;
- Sở tư pháp;
- Trại giam CAT;
- TGPL;
- T.H.A;
- Bị cáo;
- Lưu HS- AV.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Kim Phụng

